

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 trên địa bàn tỉnh

I. Nhận định tình hình thời tiết, thủy văn, nguồn nước

1. Tình hình thời tiết, thủy văn:

Theo dự báo của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Thuận từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2022 như sau:

- Nhiệt độ: Tháng 4/2022 nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$, phổ biến từ $27,5-28,5^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất từ $34,0-35,0^{\circ}\text{C}$; từ tháng 5-8/2022 nhiệt độ phổ biến từ $28,0-30,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất từ $35,0-37,0^{\circ}\text{C}$; tháng 9/2022 nhiệt độ phổ biến từ $28,0-29,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất từ $33,0-35,0^{\circ}\text{C}$.

- Tình hình mưa:

+ Lượng mưa khu vực ven biển: Tháng 4/2022 mưa từ 30-50mm, cao hơn TBNN (TBNN là 26,2mm); tháng 5/2022 mưa từ 50-100mm, cao hơn TBNN (TBNN là 79,0mm); tháng 6/2022 mưa từ 50-80mm, cao hơn TBNN (TBNN là 69,2mm); tháng 7/2022 mưa từ 50-70mm, xấp xỉ TBNN (TBNN là 65,7mm); tháng 8/2022 mưa từ 40-70mm, cao hơn TBNN (TBNN là 46,6mm); tháng 9/2022 mưa từ 90-150mm, xấp xỉ TBNN (TBNN là 139,7mm).

+ Lượng mưa khu vực miền núi: Tháng 4/2022 mưa từ 40-60mm cao hơn TBNN cùng kỳ (TBNN là 39,5mm); tháng 5/2022 mưa từ 70-130mm, cao hơn TBNN (TBNN là 111,4mm); tháng 6/2022 mưa từ 30-70mm, xấp xỉ TBNN (TBNN là 69,2mm); tháng 7/2022 mưa từ 70-100mm, xấp xỉ đến thấp hơn TBNN (TBNN là 107,0mm); tháng 8/2022 mưa từ 80-120mm, xấp xỉ TBNN (TBNN là 116,0mm); tháng 9/2022 mưa từ 100-200mm, xấp xỉ TBNN (TBNN là 211,6mm).

2. Tình hình nguồn nước: Tính đến ngày 08/4/2022, tổng dung tích 22 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh hiện có 236,34 triệu m^3 /414,29 triệu m^3 , chiếm 57,0% dung tích thiết kế; lượng nước chứa tại hồ Đơn Dương 81,36 triệu m^3 /165 triệu m^3 , chiếm 49,3% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ là 13,94 m^3/s và đang xả nước với lưu lượng là 26,08 m^3/s .

II. Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2022

1 Quan điểm chỉ đạo: Ưu tiên nguồn nước đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho nhân dân, nước uống cho gia súc và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, nguồn nước cho cây trồng lâu năm. Tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, đặc biệt

là lượng nước được tích trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đơn Dương để chủ động có phương án sản xuất linh hoạt, hiệu quả, tổ chức điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp sản xuất cụ thể từng xứ đồng; ứng phó với việc sản xuất lệch vụ, thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tuyên truyền nhân dân tổ chức sản xuất vụ Hè Thu năm 2022 đảm bảo đúng tiến độ, lịch thời vụ khuyến cáo của ngành Nông nghiệp.

2. Mục tiêu: Phát triển sản xuất cây trồng theo hướng an toàn thực phẩm, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế nhằm nâng cao thu nhập của nông dân; phấn đấu thực hiện đạt “mục tiêu kép” vừa đảm bảo điều kiện phòng, chống dịch Covid-19, vừa khắc phục khó khăn, phục hồi, phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Kế hoạch sản xuất: Căn cứ dự báo tình hình khí tượng, thủy văn, nguồn nước trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đơn Dương đến thời điểm hiện tại thì cơ bản nguồn nước đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho Nhân dân, nước uống cho gia súc và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, nguồn nước cho cây trồng lâu năm, nguồn nước còn lại sẽ phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vụ Hè Thu năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

Tổng diện tích sản xuất vụ Hè Thu 2022 trên địa bàn tỉnh **30.303,1 ha** (Lúa 14.445,9 ha; màu 15.857,2 ha), cụ thể như sau:

- Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm: 1.475,1 ha (lúa 1.100 ha; màu 375,1 ha).
- Huyện Bác Ái: 3.900,1 ha (lúa 769,4 ha; màu 3.130,7 ha).
- Huyện Ninh Sơn: 10.539,6 ha (lúa 3.441,1 ha; màu 7.098,5 ha).
- Huyện Ninh Hải: 2.821,2 ha (lúa 2.175,5 ha; màu 645,7 ha).
- Huyện Ninh Phước: 7.290,4 ha (lúa 4.086,3 ha; màu 3.204,1 ha).
- Huyện Thuận Bắc: 3.195,7 ha (lúa 2.208,6 ha; màu 987,1 ha).
- Huyện Thuận Nam: 1.081 ha (lúa 665 ha; màu 416 ha).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3. Kế hoạch thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn vụ Hè Thu đến cuối năm 2022: Thực hiện theo Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch triển khai mô hình sản xuất cánh đồng lớn năm 2022; theo đó vụ Hè Thu năm 2022 tiếp tục duy trì thực hiện 31 cánh đồng lớn/4.241,3 ha đã thực hiện trong vụ Đông xuân năm 2021-2022.

4. Kế hoạch chuyển đổi cây trồng vụ Hè Thu năm 2022: 530 ha, thực hiện theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu năm 2022, gắn với liên kết doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

III. Giải pháp thực hiện

1. Về công tác quản lý nhà nước:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và đơn vị liên quan chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, vận động bà con nông dân xuống giống đúng thời vụ và cơ cấu giống theo hướng dẫn của ngành Nông nghiệp; đồng thời, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt chỉ tiêu năm 2022.

- Thường xuyên cập nhật diễn biến thời tiết, khí hậu để có các biện pháp chỉ đạo, ứng phó kịp thời, hiệu quả. Hướng dẫn người dân đẩy mạnh đầu tư thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: sử dụng đại trà các giống mới, ngắn ngày, có khả năng kháng sâu bệnh tốt, cho năng suất chất lượng cao để tăng hiệu quả kinh tế.

- Tăng cường kiểm tra về chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để người dân yên tâm sản xuất; đồng thời, khuyến cáo để người dân biết giảm lượng giống gieo sạ, sử dụng phân bón hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí.

2. Giải pháp kỹ thuật:

- Xuống giống đúng thời vụ, tập trung theo cơ cấu giống và thời vụ đã được ngành Nông nghiệp khuyến cáo. Đối với giống lúa, khuyến cáo sử dụng giống lúa cấp xác nhận, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến như: kỹ thuật "1 phải 5 giảm", "3 giảm 3 tăng"; ưu tiên lựa chọn các giống ngắn ngày, giống có chất lượng; quản lý và điều tiết nước tiết kiệm, hiệu quả tùy vào giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây. Áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp IPM, dự tính dự báo sâu bệnh kịp thời. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc "4 đúng".

- Đối với hoa màu: Xây dựng kế hoạch sản xuất rau màu linh hoạt, xem xét điều chỉnh cơ cấu giống rau củ, quả có thời gian bảo quản kéo dài, phù hợp thị trường, đảm bảo nhu cầu tiêu thụ rau tại địa phương, cung ứng ngoài tỉnh, chú trọng biện pháp luân canh mùa vụ, thiết kế hệ thống tưới hợp lý, quản lý dịch hại và bón phân cân đối. Trên đất chuyển đổi trồng lúa sang trồng màu cần chú trọng hệ thống tưới, tiêu nội đồng, không để úng cục bộ.

- Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ từ các nguồn phế phẩm chăn nuôi của các hộ để giảm bớt phân bón hóa học và thuốc trừ sâu bệnh nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất cho người nông dân.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện gieo trồng đúng khung lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Hè Thu năm 2022.

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tăng cường công tác dự tính, dự báo các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng và hướng dẫn nông dân thực hiện kịp thời; công tác thanh tra, kiểm tra sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm trong sản xuất, kinh doanh giống, vật tư sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với các địa phương triển khai kế hoạch sản xuất cánh đồng lớn đạt kết quả tốt; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Hướng dẫn nông dân áp dụng kịp thời các biện pháp “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông chủ động phối hợp với địa phương và các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trong chuyển đổi vụ Hè Thu năm 2022 nhằm đạt chỉ tiêu được giao trong năm. Xây dựng, nhân rộng mô hình, tiên bộ kỹ thuật về giống và công nghệ, thiết bị phù hợp để hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả.

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng nông sản; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng chất cấm dùng trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản và thủy sản nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho người dân biết, tiếp cận; sử dụng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển giao để chủ động đăng ký thực hiện chuyển đổi cây trồng vụ Hè Thu năm 2022 phù hợp với điều kiện tại địa phương. Đồng thời, kêu gọi các Công ty, doanh nghiệp, đại lý thu mua nông sản trên địa bàn phối hợp, hỗ trợ bà con nông dân trong việc cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp hướng dẫn, khuyến cáo nhân dân tổ chức xuống giống tập trung, đồng loạt, dứt điểm từng khu vực, xứ đồng theo lịch thời vụ.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn nông dân thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Hè Thu năm 2022 theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp.

- Phối hợp với ngành Nông nghiệp thực hiện tốt các chương trình, mô hình chuyển giao tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất. Thực hiện quyết liệt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng và thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn đạt hiệu quả.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tổ chức rà soát, có giải pháp phù hợp duy trì hoạt động các tổ PIM để tổ chức quản lý, điều tiết nước tại từng cánh đồng, vùng sản xuất, tránh tình trạng các vùng sản xuất đầu nguồn thì lãng phí nguồn nước, dẫn đến nước không đủ phục vụ các vùng sản xuất cuối nguồn,...

3. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi:

- Tiếp tục theo dõi tình hình khí hậu, thời tiết, lượng mưa trong thời gian tới, đồng thời thường xuyên phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thống nhất kế hoạch cấp nước từ nay đến cuối năm 2022 để phục vụ nước sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp theo từng thời điểm.

- Nạo vét các kênh mương, gia cố các bờ đập, khơi thông dòng chảy, đảm bảo điều tiết nước nhanh và kịp thời cho sản xuất, điều tiết nước theo từng giai đoạn phù hợp với yêu cầu cây trồng. Quán triệt đến từng địa phương cụ thể về khả năng đảm bảo của nguồn nước, không sản xuất diện tích vượt quá năng lực phục vụ của công trình thủy lợi, chuyển đổi vụ Hè Thu năm 2022 tại những nơi có khả năng thiếu nước. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chủ động thực hiện điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với lịch sản xuất, cụ thể đến từng khu vực, xứ đồng, tránh lãng phí nguồn nước.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022 đảm bảo đạt hiệu quả. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất giải pháp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL;
- Các Chi cục: TTBVTV, QLCLNLTS, TL;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Báo Ninh thuận, Đài PT&TH tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				Phan Rang	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
	Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2022	ha	30.303,1	1.475,1	3.900,1	10.539,6	2.821,2	7.290,4	3.195,7	1.081,0
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Diện tích cây lúa</i>	ha	14.445,9	1.100,0	769,4	3.441,1	2.175,5	4.086,3	2.208,6	665,0
	<i>Diện tích cây màu</i>	ha	15.857,2	375,1	3.130,7	7.098,5	645,7	3.204,1	987,1	416,0
	I. Diện tích sản xuất trong hệ thống tưới	ha	23.330,2	1.475,1	2.318,1	5.646,7	2.555,2	7.290,4	2.963,7	1.081,0
1	Cây lương thực có hạt	ha	16.401,9	1.112,0	1.769,4	3.270,1	2.200,5	4.858,3	2.438,6	753,0
1.1	Lúa									
	Diện tích	ha	13.764,9	1.100,0	769,4	2.770,1	2.175,5	4.086,3	2.198,6	665,0
	Năng suất	tạ/ha	64,0	68,0	35,0	64,0	63,5	67,5	62,0	63,0
	Sản lượng	tấn	88.145,7	7.480,0	2.692,9	18.755,0	13.814,4	27.582,5	13.631,3	4.189,5
1.2	Ngô									
	Diện tích	ha	2.637,0	12,0	1.000,0	500,0	25,0	772,0	240,0	88,0
	Năng suất	tạ/ha	50,0	60,0	36,4	62,0	49,0	62,5	45,0	38,0
	Sản lượng	tấn	13.173,9	72,0	3.640,0	3.100,0	122,5	4.825,0	1.080,0	334,4
1.3	Cây lương thực có hạt khác									
	Diện tích	ha	-	-	-	-	-	-	-	-

	Năng suất	tạ/ha		-	-		-	-	-	-
	Sản lượng	tấn	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Cây lấy củ có chất bột	ha	326,3	1,2	140,0	54,0	3,0	47,0	77,1	4,0
2.1	Khoai lang									
	Diện tích	ha	83,2	1,2	-	54,0	3,0	9,0	12,0	4,0
	Năng suất	tạ/ha	150,7	80,0	-	154,0	155,0	145,0	148,0	145,0
	Sản lượng	tấn	1.253,8	9,6	-	831,6	46,5	130,5	177,6	58,0
2.2	Sắn (mì)	ha								
	Diện tích	ha	243,1		140,0			38,0	65,1	
	Năng suất	tạ/ha	187,5		193,0			180,0	180,0	
	Sản lượng	tấn	4.557,8		2.702,0			684,0	1.171,8	
3	Cây mía	ha								
	Diện tích	ha	818,2		-	800,0		18,2	-	
	Năng suất	tạ/ha	548,3			550,0		472,0		
	Sản lượng	tấn	44.859,0			44.000,0	-	859,0		
4	Cây rau, đậu, hoa các loại	ha	3.764,6	312,6	240,0	1.146,0	105,0	1.607,5	213,5	140,0
4.1	Rau các loại:									
	Diện tích	ha	2.659,5	298,0	40,0	546,0	100,0	1.450,0	135,5	90,0
	Năng suất	tạ/ha	178,5	680,0	140,0	170,0	130,0	95,0	112,0	87,0
	Sản lượng	tấn	47.481,6	20.264,0	560,0	9.282,0	1.300,0	13.775,0	1.517,6	783,0
4.2	Đậu hạt các loại									
	Diện tích	ha	1.081,1	2,6	200,0	600,0	4,0	146,5	78,0	50,0
	Năng suất	tạ/ha	7,6	10,0	7,2	6,7	11,0	10,0	10,5	8,4
	Sản lượng	tấn	823,4	2,6	144,0	402,0	4,4	146,5	81,9	42,0
4.3	Hoa các loại	ha	24,0	12,0	-		1,0	11,0	-	-
5	Cây có hạt chứa dầu	ha	201,6	4,0	50,0	50,6	3,0	38,0	49,0	7,0
5.1	Lạc									
	Diện tích	ha	120,6	4,0	-	50,6	-	38,0	21,0	7,0

	Năng suất	tạ/ha	11,8	14,0		12,2	-	12,5	10,0	10,0
	Sản lượng	tấn	142,8	5,6	-	61,7	-	47,5	21,0	7,0
5.2	Mè									
	Diện tích	ha	81,0	-	50,0	-	3,0		28,0	-
	Năng suất	tạ/ha	3,5	-	3,5	-	4,0		3,5	-
	Sản lượng	tấn	28,5	-	17,5	-	1,2	-	9,8	-
6	Cây gia vị, dược liệu hàng năm	ha	215,6	11,5	-	-	68,0	91,1	30,0	15,0
6.1	Cây gia vị hàng năm	ha	202,6	11,5			65,0	91,1	20,0	15,0
6.2	Cây dược liệu hàng năm	ha	13,0	-	-		3,0		10,0	-
7	Cây hàng năm khác	ha	1.602,0	33,8	118,7	326,0	175,7	630,3	155,5	162,0
7.1	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha								
	Diện tích	ha	1.189,7	20,0	118,7	326,0	64,0	435,5	147,0	78,5
	Năng suất	tạ/ha	623,0	650,0	457,0	700,0	525,0	650,0	560,0	595,0
	Sản lượng	tấn	74.114,8	1.300,0	5.424,6	22.820,0	3.360,0	28.307,5	8.232,0	4.670,8
7.2	Cây hàng năm khác còn lại	ha	412,3	13,8	-		111,7	194,8	8,5	83,5
II. Diện tích sản xuất ngoài hệ thống tưới			6.972,9	-	1.582,0	4.892,9	266,0	-	232,0	-
1	Lúa									
	Diện tích	ha	681,0	-	-	671,0			10,0	
	Năng suất	tạ/ha	67,6			67,7			62,0	
	Sản lượng	tấn	4.604,7	-	-	4.542,7			62,0	
2	Ngô									
	Diện tích	ha	844,4		450,0	267,4			127,0	
	Năng suất	tạ/ha	44,4		35,0	60,0			45,0	
	Sản lượng	tấn	3.750,9		1.575,0	1.604,4			571,5	
3	Sắn (mì)									
	Diện tích	ha	2.907,0		660,0	2.219,0			28,0	

	Năng suất	tạ/ha	183,0		193,0	180,0			180,0	
	Sản lượng	tấn	53.184,0		12.738,0	39.942,0			504,0	
4	Mía									
	Diện tích	ha	1.160,0		100,0	1.057,0			3,0	
	Năng suất	tạ/ha	564,0		450,0	575,0			473,0	
	Sản lượng	tấn	65.419,4		4.500,0	60.777,5			141,9	
5	Rau các loại									
	Diện tích	ha	468,8	-	10,0	144,8	266,0		48,0	
	Năng suất	tạ/ha	125,3		140,0	120,0	130,0		112,0	
	Sản lượng	tấn	5.873,2	-	140,0	1.737,6	3.458,0		537,6	
6	Đậu lấy hạt các loại									
	Diện tích	ha	400,7	-	250,0	141,7			9,0	
	Năng suất	tạ/ha	7,1	-	7,2	6,7			9,0	
	Sản lượng	tấn	283,0	-	180,0	94,9			8,1	
7	Cây hàng năm khác	ha	511,0	-	112,0	392,0	-		7,0	
7.1	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha								
	Diện tích	ha	269,9		30,0	239,9			-	
	Năng suất	tạ/ha	657,0		457,0	682,0				
	Sản lượng	tấn	17.732,2		1.371,0	16.361,2				
7.2	Cây hàng năm khác còn lại	ha	241,1		82,0	152,1			7,0	